

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai (không bao gồm phí và lệ phí) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn
bản quy phạm pháp luật (viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi,
bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP));*

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về
chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số
149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày
06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi
hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ
Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định về mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 319/TTr-STNMT ngày 18 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quyết định này quy định đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai (không bao gồm phí và lệ phí) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo nhu cầu về thời gian, địa điểm của người yêu cầu cung cấp dịch vụ, gồm:

1. Dịch vụ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo yêu cầu về thời gian giải quyết thủ tục hành chính của người sử dụng đất.

2. Dịch vụ giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo yêu cầu về địa điểm của người sử dụng đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu.
2. Đối tượng cung cấp dịch vụ: Văn phòng Đăng ký đất đai và đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và có khả năng đáp ứng nhu cầu dịch vụ quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Đơn giá dịch vụ

1. Đơn giá dịch vụ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo yêu cầu về thời gian giải quyết thủ tục hành chính của người sử dụng đất (không bao gồm dịch vụ trích đo địa chính thửa đất, trích lục hồ sơ địa chính và chỉnh lý bản đồ địa chính) tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.
2. Đơn giá dịch vụ giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo yêu cầu về địa điểm của người sử dụng đất tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Thời gian thực hiện dịch vụ

1. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giảm tối thiểu bằng 20% so với thời gian thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Thời gian thực hiện dịch vụ tại khoản 1 của Điều 3 của Quyết định này không bao gồm thời gian nộp nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất và thời gian giải quyết vướng mắc về nguồn gốc, ranh giới sử dụng đất (nếu có).

Điều 5. Đối tượng và mức miễn, giảm

1. Miễn thu 100% giá dịch vụ công theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này đối với những trường hợp sau:
 - a) Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động.
 - b) Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên.
 - c) Cấp lại, cấp đổi, đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp do lỗi của cơ quan Nhà nước.
2. Giảm mức thu giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai đối với những trường hợp sau:
 - a) Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ thương tật từ 21% đến dưới 81% được giảm 50% mức giá theo quy định tại khoản 1 của Điều 3 của Quyết định này.
 - b) Hộ nghèo (có sổ hộ nghèo) khi đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu được giảm 50% mức giá theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này.

3. Trường hợp cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (do thiên tai, hỏa hoạn, sạt lở tự nhiên) được giảm 80% tổng mức giá theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này.

Điều 6. Quản lý, sử dụng khoản thu từ dịch vụ

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ phải sử dụng hóa đơn để giao khách hàng khi cung cấp dịch vụ theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng.

2. Khoản tiền thu được từ dịch vụ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo yêu cầu về thời gian giải quyết thủ tục hành chính của người sử dụng đất và dịch vụ giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo yêu cầu về địa điểm của người sử dụng đất là khoản doanh thu của đơn vị. Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm kê khai, nộp thuế và quản lý sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thu Giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo đơn giá ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Khi có thay đổi về định mức kinh tế - kỹ thuật, mức lương tối thiểu, công lao động, giá vật tư, giá thiết bị, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra VB);
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Báo Tuyên Quang; Đài phát thanh-truyền hình tỉnh (đăng tải);
- Như Điều 8;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

